

Bản án số: 139/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26/9/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Đỗ Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng: Ông Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 110/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nông Thị T; sinh năm: 1980; HKTT: số nhà 03H, tổ B, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Phan Bá S; sinh năm: 1984; HKTT: số nhà 03H, tổ B, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Nông Thị T trình bày: chị T và anh S kết hôn vào tháng 02 năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say và có hành vi đánh chị T. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi và xô xát. Khi xảy ra mâu thuẫn có gia đình hai bên và hai vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Phan Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2007, hiện nay cháu đang ở với chị T. Chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết,

Về nợ chung, nợ riêng: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/7/2018 và biên bản hòa giải ngày 30/7/2018 anh Phan Bá S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: xác nhận anh S và chị T có quan hệ hôn nhân như chị T trình bày. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh S cho rằng anh không thường xuyên đánh chị T. Gần đây anh S đã không còn đi uống rượu, tụ tập về muộn nữa. Anh xác nhận vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: xác nhận có 01 con chung như chị T trình bày, trường hợp ly hôn anh S nhất trí giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết,

Về nợ chung, nợ riêng: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2018 cháu Phan Thị Quỳnh A có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn vì mẹ có điều kiện quan tâm, chăm sóc, giáo dục cháu tốt nhất.

Tại phiên tòa, anh S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S. Chị Nông Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Bá S và yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng đến tuổi trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị T; về việc nuôi con chung: khi ly hôn, giao cháu Phan Thị Quỳnh A cho chị Nông Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí: chị Nông Thị T và anh Phan Bá S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Anh Phan Bá S được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị T và anh Phan Bá S kết hôn vào tháng 02 năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường SB, thành phố CB. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ tòa án thu thập được (bản tự khai, biên bản xác minh...) cho thấy kể từ khi kết hôn vợ chồng chị T anh S chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh S không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say và đánh chị T. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi và xô xát. Khi xảy ra mâu thuẫn có hai bên gia đình và hai vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S có ý kiến muốn đoàn tụ với vợ nhưng khoảng đầu tháng 8 năm 2018 anh S đã đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho chị T, điều này cho thấy anh S không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Phan Bá S.

[2.2] Về con chung: chị T và anh S có một con chung là Phan Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2007, hiện con chung đang ở với chị T tại tổ B, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Ghi nhận ý kiến của chị T, anh S về việc sau khi ly hôn sẽ giao cháu Quỳnh A cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc giao con chung cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế do anh S đã đi khỏi nơi cư trú từ đầu tháng 8 năm 2018, gia đình và chính quyền địa phương không biết hiện nay anh S đang ở đâu, cháu Quỳnh A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ghi nhận ý kiến của chị T và anh S về việc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu trưởng thành.

[2.3] Về tài sản chung: các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: các bên đương sự đều xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh S là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: chị T và anh S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị T, xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Phan Bá S.

- Về con chung: giao con chung Phan Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/4/2007 cho chị Nông Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phan Bá S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng cho đến khi cháu Quỳnh A đến tuổi trưởng thành.

Anh Phan Bá S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung, nợ riêng: các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000394 ngày 26/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phan Bá S phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm. Chị Nông Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phan Bá S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Phương